

Văn học trong nhà trường

Sức hấp dẫn trong thơ Hai-cư của Nhật Bản

Tác giả: Đoàn Văn Hân

*Giáo viên trường THPT Nguyễn Bình Khiêm,
huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk*

Trong vườn hoa thi ca của nhân loại, có nhiều loài hoa thơm ngát, thơ Hai-cư là bông hoa có hương sắc thật đặc biệt. Được hình thành từ thế kỷ XVI – XVII, thơ Hai - cư là thể thơ truyền thống, là niềm tự hào của đất nước xứ hoa anh đào – Nhật Bản. Thể thơ này có vị trí và giá trị quan trọng trong nền văn học Nhật Bản. Với hình thức ngắn gọn, cô đọng nhất so với các thể thơ khác trên thế giới, thơ Hai Cư thường biểu hiện những rung cảm, cảm xúc của con người trước sự giao cảm với thiên nhiên thông qua những hình ảnh trong sáng, giản dị nhưng mang nhiều ý nghĩa sâu sắc.

Trong chương trình Ngữ văn lớp 10, tập 1 của bộ sách “*Kết nối tri thức với cuộc sống*” nhóm biên soạn có đưa chùm thơ Hai - cư với ba bài thơ vô đề của ba nhà thơ- ba thi nhân nổi tiếng Nhật Bản: Basho, Chiyo và Issa. Mỗi bài thơ Hai - cư đều phản ánh tâm hồn người Nhật - tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên.

Tiếp cận và tìm hiểu ba bài thơ này, bên cạnh niềm vui khi được thưởng thức một “*đặc sản thi ca*”, tinh hoa tinh thần của con người Nhật Bản thì điều hấp dẫn, ấn tượng đầu tiên đối với độc giả khi tiếp xúc chùm thơ Hai – cư là ở: hình thức kiệm lời và hình ảnh giàu sức gợi.

Về mặt hình thức ngôn ngữ, thơ Hai – cư có hình thức ngắn gọn, cô đọng (cả bài chỉ 17 âm tiết, ngắt thành 3 đoạn 5-7-5). Nguyên bản tiếng Nhật chỉ có một câu thơ (Dòng 1: Giới thiệu; Dòng 2: Tiếp tục ý trên và chuẩn bị cho dòng 3; Dòng 3: Ý thơ kết lại nhưng không rõ ràng, mở ra những suy ngẫm, cảm xúc cho người đọc ngân nga, lan tỏa).

Với hình thức này, người đọc sẽ rất dễ dàng tìm hiểu, khám phá từng câu thơ, bài thơ (ở đây, người đọc căn cứ vào bản dịch thơ của Nhật Chiêu). So với một số bài thơ với các thể thơ khác, có số tiếng và số câu thơ dài hơn thì việc tìm hiểu, khám phá văn bản sẽ có những khó khăn nhất định. Nghĩa là độc giả vừa tiến hành cùng một lúc cả hai quá trình: đọc và cắt nghĩa từng từ ngữ, từng câu rồi mới

Sức hấp dẫn trong thơ Hai-cư của Nhật Bản

khái quát và rút ra ý nghĩa của toàn bộ câu thơ. Còn ở đây, với bài thơ của Basho thì chỉ cần đọc một hay cả bài thơ, người đọc bước đầu cũng có thể hình dung phần nào nội dung của cả bài thơ một cách nhanh nhất, dễ dàng nhất. Đây được xem là bước quan trọng và là một thành công làm nên sức hấp dẫn của thể thơ này. Phải chăng, hình thức này cũng chỉ là một minh chứng trong tư duy của người Nhật - hướng tới sự tối giản nhất có thể. Cố nhiên với thơ, điều này cũng nằm trong tư duy ấy. Thơ vì vậy không cần quá cầu kỳ về hình thức, vừa tiết kiệm được ngôn từ, lạ vừa đảm bảo được nội dung, ý nghĩa mà họ muốn truyền tải qua thi phẩm.

Như trên đã đề cập, điều hấp dẫn của thơ Hai - cư là về mặt hình thức cô đọng ngắn gọn. Nhưng bên cạnh đó, một yếu tố nữa cũng làm nên sức hấp dẫn của thơ Hai - cư chính là hình ảnh thơ. Hình ảnh thơ có vai trò quan trọng trong việc truyền đạt nội dung thơ. Hình ảnh thơ là phương tiện đã được các nhà thơ tinh tuyển. Dĩ nhiên, hình ảnh thơ ở đây, được hiểu là hình ảnh trung tâm, là hình tượng thơ, cốt lõi ở mỗi bài. Thơ Hai - cư không cầu kỳ trong việc lựa chọn hình ảnh thơ như thơ Đường - Trung Quốc, mà ngược lại, hình ảnh trong thơ lại mộc mạc, tự nhiên nhưng không kém phần tinh tế, chuẩn xác. Có cảm giác dường như mỗi hình ảnh đều được các nhà thơ chọn lọc ngoài thế giới tự nhiên nhưng lại không làm cho người thưởng thức biết được sự chọn lọc có ý đồ đó một cách lộ liễu, công khai. Rồi cũng từ hình ảnh này lại trở thành hình tượng nghệ thuật. Sự tài tình của những nhà thơ, thi nhân chính là ở chỗ đó chăng?

Trong bài thơ của Basho tác giả viết: “*Trên cành cây / cánh quạ đậu / chiều thu*”, hình ảnh trung tâm trong bài thơ này không gì khác chính là hình ảnh: “*cánh quạ*”. Đây là một hình ảnh quen thuộc trong thi ca cổ điển. Chỉ với một hình ảnh “*cánh quạ đậu*” đã gây ấn tượng thị giác đối với người đọc. Điều này đã gợi lên bao nhiêu sự liên tưởng thú vị, độc đáo. Thông thường, “*cánh chim*” là thi liệu cổ điển thường báo hiệu thời gian là buổi chiều sắp tàn, tối bắt đầu nhe nhóm. Theo đó, ở đây, có thể hiểu “*cánh quạ*” có màu sắc đặc trưng là màu đen, vì vậy hình ảnh này phù hợp với thời gian của buổi chiều thu. Đây là thủ pháp chỉ gợi chứ không cần tả hay diễn giải của thơ Hai - cư. Cũng từ hình ảnh này, người đọc tiếp tục bắt gặp hình ảnh thứ hai, đó là: “*Trên cành khô*”. Tại sao không phải là: “*Trên cành tươi*” mà lại là “*trên cành khô*”, phải chăng “*cành khô*” là cành không còn sự sống, không còn sự phát triển của cây cối?. Bỗng nhớ tới câu thơ mà sau này nhà thơ Huy Cận ở bài Tràng Giang đã viết: “*Củi một cành khô lạc mấy dòng*”. Thêm

nữa “*cánh quạ đậu*” chứ không còn là “*con quạ đậu*”. Rõ ràng hình ảnh này, cũng gọi lên cho độc giả nhiều suy ngẫm, liên tưởng. Hai hình ảnh: “*Cánh quạ đậu*” “*trên cành khô*” là hai hình ảnh dễ bắt gặp ở ngoài tự nhiên. Một điều độc đáo nữa là hai hình ảnh trên còn có mối liên hệ với không gian của buổi chiều thu. Nên vì lẽ đó, đã gọi lên một không gian chiều thu vắng lặng, đơn sơ, nhẹ nhàng. Rõ ràng, sự tương phản của thân hình đen muội nhỏ xíu của con quạ với bóng tối bao la, vô định của buổi chiều hôm. Trên cành khô quạ đậu và chiều thu là hai phần hoàn toàn độc lập, tương phản với nhau. Một bên nhỏ hẹp, hiện hữu, một bên rộng lớn, mơ hồ. Mọi vật thể đối lập ấy đã tạo thành một chỉnh thể, một bức tranh hoàn chỉnh: trên cái nền hoang vắng mơ hồ của buổi chiều thu, nổi bật lên hình hài màu đen của một chú quạ đậu trên cành khô.

Như vậy, hình ảnh trong bài thơ của Basho có lẽ phần nào thể hiện tâm cảm thi nhân mặc dù nó như chỉ được chớp lấy trong một ánh nhìn, một không gian, thời gian nhất định. Bài thơ mang nỗi buồn của buổi chiều tà, của lúc tàn thu, sự ngưng đọng, lặng im của cảnh vật. Giống như mọi bài thơ Hai-cư khác, cái tôi thi nhân không bao giờ xuất hiện trong thi phẩm nhưng từ những gì nhà thơ gửi gắm sẽ khởi sự cho trí tưởng tượng vô biên của độc giả.

Sang đến bài thơ của Chiyo: “*Ôi hoa triêu nhan! / Dây gàu vương hoa bên giếng / Đành xin nước nhà bên*”, hình ảnh trung tâm là “*hoa triêu nhan*” và “*dây gàu bên giếng*”. Hai hình ảnh của những bông hoa triêu nhan tím đang quấn chặt vào sợi dây gàu bên giếng. Cùng nhau tồn tại, cùng nhau làm nên vẻ đẹp dịu dàng, kín đáo. Có thể nói, hai hình này thật gần gũi, bình dị, không cao sang quý phái như hoa cúc, hoa mai, mà dường như, chính sự bình dị ấy đã cộng hưởng vào nhau trong một bài thơ khiến cho bài thơ trở nên trong sáng, thuần khiết hiếm có. Cũng thông qua hai hình ảnh trên, người đọc nhận ra rằng: Trước cái đẹp, trước sự sống, nhà thơ nâng niu, trân trọng, không nỡ làm tổn thương nên bà chọn giải pháp “*xin nước nhà bên*”, để sự sống và cái đẹp được hiện hữu. Đây chính là tinh thần ý tại ngôn ngoại, lại cũng chính là sự vô ngôn của Thiên và là tính nhân văn của Phật giáo. Cần phải có một nội tâm tĩnh lặng, một tính cách dịu dàng và hơn cả là một tình thương lớn, một tấm lòng trắc ẩn lớn mới có cách hành xử như vậy. Một đóa triêu nhan mỏng manh làm tỏa sáng một tình thương mệnh mông và cảm động.

Sức hấp dẫn trong thơ Hai-cư của Nhật Bản

Cuối cùng là bài thơ của Ít – sa: “*chậm rì, chậm rì/ Kìa con ốc nhỏ/ Trèo núi Phu – gi*”, hình ảnh nổi bật trong bài thơ là hình ảnh: “*Con ốc*” và núi “*Fu-ji*”. Hình ảnh “*con ốc*” gợi lên hình ảnh một con vật nhỏ bé, chậm chạp, sống thụ động. Còn “*Núi Fu-ji*” là một ngọn núi nổi tiếng ở Nhật Bản, nó gợi lên sự hùng vĩ, tráng lệ của tự nhiên. Câu thơ thứ hai “*Kìa con ốc nhỏ*” thể hiện cái nhìn ngỡ ngàng trước sự xuất hiện nhỏ bé, bình dị của chú ốc nhỏ. Trạng thái “*chậm rì*” được đảo lên câu thơ đầu để nhấn mạnh trạng thái, đặc điểm của chú ốc bình dị nhỏ bé ấy. Câu thơ thứ ba “*Trèo núi Fuji*” chỉ có ba chữ tái hiện hình ảnh ngọn núi Phú Sĩ - biểu tượng Nhật Bản. Hình ảnh chú ốc sên nhỏ trèo chậm chậm lên núi Phú Sĩ - ngọn núi cao bậc nhất Nhật Bản.

Bài thơ của Is - sa ngắn gọn súc tích, với hình thức độc đáo đã truyền tải thông điệp mang đầy tính nhân văn đến người đọc. Trên thực tế cuộc sống, mỗi người đều là chú ốc nhỏ bé bình dị nhưng đều ấp ủ một giấc mơ cháy bỏng của riêng cuộc đời mình. Sức mạnh nội tại của chính bản thân chúng ta là nguồn sức mạnh động lực để thúc đẩy đưa chúng ta lên đến đỉnh cao của cuộc đời mình. Nếu như chú ốc sên khát khao chinh phục núi Phú Sĩ thì mỗi người đều có một đỉnh cao của cuộc đời mình mà muốn chinh phục. Điều mà chúng ta cần làm đó chính là luôn luôn cố gắng không ngừng nghỉ trên hành trình, nỗ lực hết sức mình trên hành trình chinh phục lý tưởng sống của mình. Ta có thể đi chậm hơn so với người khác nhưng điều quan trọng đó chính là ta không ngừng lại mà luôn nỗ lực, kiên trì đến cùng với ước mơ của mình. Đó chính là điều làm nên ý nghĩa của cuộc sống của chúng ta.

Như vậy, chùm thơ Hai - cư đều ngắn gọn về hình thức, sử dụng hình ảnh ẩn dụ của con vật, cây cối tự nhiên, giàu sức gợi. Trên hết, mỗi bài thơ đều truyền tải thông điệp sâu sắc, triết lý, đầy nhân văn sâu sắc, ý nghĩa về cuộc sống. Thơ Hai-cư đã ra đời cách đây hơn 400 năm, tuy vậy, sức hấp dẫn của thể thơ này vẫn còn nhiều điều cần khám phá. Vẻ đẹp của thể thơ này luôn mời gọi người đọc cùng thưởng thức. Chính vì lẽ đó, thơ Hai - cư chắc chắn sẽ còn mãi một vị trí quan trọng trong thi ca nhân loại. Thơ Hai – cư xứng đáng một thế giới huyền diệu, dĩ nhiên, mỗi bài thơ là một điệu huyền xao xuyến, băng khuâng./.

Krông Pắc, chiều thu, tháng 11/2023